TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2955/2025/DS-ST

Ngày: 28/11/2025

(V/v: Tranh chấp đòi tài sản)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hường

Các hội thẩm nhân dân:- Ông Nguyễn Tiến Thanh

- Bà Dương Tú Anh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội không tham gia phiên toà.

Hôm nay, Ngày 28 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 196/2025/TLST-DS ngày 22/8/2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 421/2025/QĐXXST–DS ngày 10/11/2025, giữa các đương sự:

1 – Nguyên đơn: Ông Đặng Mạnh S, sinh năm 1953

Căn cước công dân số: 034053015496 cấp tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 10/7/2021.

ĐKTT: Số I ngõ C đường L, phường T, quận Đ (Nay là Số A phố Ô, phường V - Q, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1.1. **Bà Đỗ Thị N**, sinh năm 1998 (có mặt)

Căn cước công dân số: 036198005695 cấp tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 12/5/2023.

1.2. **Ông Vũ Trọng M**, sinh năm 1998 (có mặt)

Căn cước công dân số: 001098021691 cấp tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 14/11/2022.

2 – Bị đơn: **Ông Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 001063014505 cấp tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 14/8/2022.

Địa chỉ: Số A Tổ E T, quận B, Thành phố Hà Nội (Nay là phường Ô, Thành phố Hà Nội).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*****Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của N1 đơn trình bày***: Ông S và bên ông T có mối quan hệ quen biết, biết nhau từ những năm 2009, ngày 23/3/2011 và ngày 22/6/2012, ông S đã cho ông T vay số tiền lần lượt là 4.100.000.000 đồng (Bốn tỷ một trăm triệu) đồng và 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, tổng số tiền ông S cho ông T vay là 4.600.000.000 (Bốn tỷ sáu trăm triệu) đồng. Hai bên thỏa thuận khi nào ông S cần dùng đến số tiền vay nêu trên thì ông T có trách nhiệm trả lại cho ông S. Ông T đã viết giấy vay tiền xác nhận nội dung vay tiền trên.

Trong hợp đồng không thỏa thuận lãi suất nhưng trên thực tế, hai bên có thỏa thuận miệng ông T phải trả lãi cho ông S. Thực tế, ông T có trả lãi cho ông S kể từ khi vay cho tới năm 2013, sau đó không trả nữa. Sau 2013, ông T không trả nợ gốc và lãi cho ông S, do vậy ông S nhiều lần yêu cầu bằng hình thức gọi điện, nhắn tin và đến trực tiếp yêu cầu ông T trả nợ cả gốc và lãi. Nhưng ông T có hứa hẹn, sau đó không thực hiện việc thanh toán nợ. Do ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nên năm 2018, ông T nộp đơn tố cáo đến cơ quan công an và cơ quan công an có mời 2 bên lên làm việc. Tại cơ quan Công an, ông T cam kết với ông S là sẽ thanh toán khoản nợ trên cho ông S mỗi năm từ 500.000.000 – 700.000.000 đồng và khi nào có kinh tế sẽ trả hết một lần số nợ. Sau đó ông T không thực hiện lời hứa thanh toán cho ông S số tiền nêu trên và ông S có liên hệ với ông T nhưng không liên hệ được. Năm 2023, ông S có khởi kiện ra Tòa nhưng không đủ điều kiện khởi kiện nên Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện cho ông S. Đến ngày 04/8/2025 thì ông S khởi kiện đến Tòa án nhân dân Khu vực 2 – HN yêu cầu ông T trả lại toàn bộ số tiền nợ trên.

Nay ông S xác nhận ông T còn nợ ông S số tiền 4.600.000.000 đồng. Ông S đề nghị ông T phải trả toàn bộ số tiền trên và lãi suất tính từ ngày 21/3/2017 là ngày ông S nhắn tin yêu cầu ông T trả nợ cho đến nay với mức lãi suất là 10%/năm. Tổng số tiền lãi tạm tính từ ngày 21/3/2017 đến ngày 21/7/2025 là 3.818.000.000 (Ba tỷ, tám trăm mười tám triệu) đồng.

Ngoài các vấn đề trên Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

** **Lời trình bày của ông Nguyễn Quốc T trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện***: Ông T và bên ông S có mối quan hệ quen biết, biết nhau từ những năm 2009. Ông T xác nhận có vay khoản tiền 4.600.000.000 (Bốn tỷ sáu trăm triệu) đồng của ông S thông qua cháu của ông S là ông Nguyễn Xuân T1 như đại diện theo ủy quyền của ông S trình bày. Nguồn gốc số tiền xuất phát từ bên môi giới

là ông T1, do bên ông T có công ty kinh doanh thương mại là Công ty T4 có trụ sở tại N nên ông S có đến đưa tiền để lấy lãi với lãi suất là 3%/tháng, lãi suất đã chuyển cho ông T1.

Từ 2011 – 2013, ông T thanh toán tiền lãi suất cho ông S thông qua ông T1 là cháu ruột ông S. Số tiền lãi suất này đã thanh toán xong nên ông và ông S không có tranh chấp gì.

Năm 2018, do bên ông S cho xã hội đen đến đòi tiền nên ông T đã nộp đơn tố cáo ông S lên Cơ quan Công an. Tại CQCA TPHN đã lập biên bản làm việc với 2 bên, xác nhận đây là vụ việc dân sự và yêu cầu ông T, ông S về giải quyết với nhau. Tại CQCA, ông T xác nhận có nợ ông S số tiền là 4.600.000.000 (Bốn tỷ sáu trăm triệu) đồng và hứa sẽ trả dần cho ông S số tiền trên. Sau đó, do điều kiện khó khăn nên ông T chưa trả được số tiền trên cho ông S như đã hứa.

Nay ông S yêu cầu ông T phải thanh toán khoản nợ 4.600.000.000 (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) và lãi suất, ông T xin được trả phần gốc. Đối với lãi suất ông T đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu để không chấp nhận yêu cầu thanh toán lãi suất của ông Đặng Mạnh S đối với ông vì đã hết thời hiệu khởi kiện giải quyết theo quy định của pháp luật, ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Về án phí, Ông Đặng Mạnh S và ông Nguyễn Quốc T có đơn xin miễn toàn bộ án phí dân sự.

Tại phiên Tòa: Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn rút một phần yêu cầu thanh toán lãi suất do nhầm lẫn về mốc thời gian ông S yêu cầu ông T thanh toán số tiền nợ gốc nên quá trình giải quyết đã yêu cầu ông thành thanh toán tiền lãi suất từ ngày 21/3/2017. Nay nguyên đơn yêu cầu ông T thanh toán cho ông Đặng Mạnh S lãi suất của số tiền 4.600.000.000 đồng tính từ ngày 12/11/2020 là ngày ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tạm tính đến ngày 27/11/2025 là (05 năm 16 ngày) với mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể: (4.600.000.000 đồng x 10%/năm x 05 năm 16 ngày = 2.320.164.383 đồng) và lãi suất phát sinh sau ngày xét xử. Tổng số tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Quốc T phải thanh toán cho nguyên đơn là: 6.920.164.383 đồng (Sáu tỷ, chín trăm hai mươi triệu, một trăm sáu mươi tư nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên tòa ông Nguyễn Quốc T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Quốc T theo thủ tục chung.

[2].Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện ngày 16/7/2025 ông Đặng Mạnh S đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc T phải thanh toán trả ông Đặng Mạnh S số tiền gốc và lãi theo giấy vay tiền hai bên đã ký. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp Hợp đồng dân sự về việc đòi lại tài sản cho vay.

[3].Về tư cách tham gia tố tụng và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Đặng Mạnh S là người có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án nên căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông S tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách nguyên đơn. Ông Nguyễn Quốc T là người bị ông S khởi kiện yêu cầu phải thanh toán trả số tiền đã vay nên căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông T tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn. Ông Nguyễn Quốc T có nơi cư trú tại số S, thành Công, quận B (nay là phường Ô, Hà Nội) nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định của pháp luật.

[4]. Xét yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc của Đặng Mạnh S đối với ông Nguyễn Quốc T: Xét thấy, Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Quốc T xác nhận còn nợ ông Đặng Mạnh S số tiền 4.600.000.000 (Bốn tỷ, sáu trăm triệu) đồng, lời khai xác nhận nợ của ông T phù hợp với giấy vay tiền ngày 23/3/2011 có chữ viết và chữ ký của ông T và lời xác nhận của ông T2 tại Biên bản làm việc ngày 12/11/2018 tại Trụ sở phòng CSHS – Công an thành phố H nên đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Quốc T còn nợ ông Đặng Mạnh S số tiền vay 4.600.000.000 (Bốn tỷ, sáu trăm triệu) đồng. Do vậy yêu cầu của ông S đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T phải thanh toán trả cho ông Đặng Mạnh S số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Quốc T phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Đặng Mạnh S số tiền nợ gốc 4.600.000.000 (Bốn tỷ, sáu trăm triệu) đồng.

[5]. Xét yêu cầu thanh toán lãi suất của số tiền nợ gốc nêu trên: Xét thấy theo thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 23/3/2011 hai bên không thỏa thuận về lãi suất tiền vay, tuy nhiên quá trình giải quyết tại Tòa đại diện nguyên đơn và bị đơn xác nhận từ năm 2011 đến năm 2013 ông T có thanh toán lãi suất cho ông S, nhưng hai bên không có tranh chấp đối với lãi suất đã thanh toán cho nhau nên không xem xét.

Tại biên bản làm việc ngày 12/11/2018, về việc giải quyết đơn tố giác tội phạm của ông Nguyễn Quốc T tại Phòng C Công an thành phố H, ông Nguyễn Quốc T xác nhận còn nợ ông Đặng Mạnh S số tiền 4.600.000.000 (Bốn tỷ, sáu trăm triệu) đồng. Ông Đặng Mạnh S nhất trí cho ông T thanh toán số tiền trên trong thời gian 02 năm. Tuy nhiên hết thời hạn 02 năm như đã thỏa thuận ông T không thanh toán cho ông S số tiền trên, từ đó đến nay ông T không thanh toán

cho ông S. Nay ông S đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T phải thanh toán trả cho ông S lãi suất chậm thanh toán của số tiền gốc trên với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận là 12/11/2020 tạm tính đến ngày 27/11/2025 là (4.600.000.000 đồng x 05 năm 16 ngày x 10%/ năm = 2.320.164.383 (Hai tỷ, ba trăm hai mươi triệu, một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi ba) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án ông T không nhất trí thanh toán lãi suất nêu trên cho ông S, ông T đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với số tiền lãi suất.

Xét yêu cầu thanh toán lãi suất nêu trên của ông S và yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với số tiền lãi suất. Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự quy định thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Tuy nhiên tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự quy định: "*không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu*,…". Do vậy, đối với yêu cầu tranh chấp đòi lại tài sản của ông Đặng Mạnh S đối với ông Trần Quốc T3 không áp dụng thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của ông Trần Quốc T3 không được chấp nhận.

Theo thỏa thuận tại biên bản làm việc ngày 12/11/2018, tại Phòng C - Công an thành phố H. Ông T3 có trách nhiệm thanh toán cho ông Đặng Mạnh S số tiền 4.600.000.000 đồng hạn cuối cùng theo thỏa thuận 02 năm là ngày 12/11/2020, tuy nhiên ông T3 đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, do vậy xác định thời điểm ông T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ông S là ngày 12/11/2020. Ông S yêu cầu ông T3 thanh toán tiền lãi suất chậm thanh toán của số tiền 4.600.000.000 đồng từ ngày 12/11/2020 tạm tính đến hết ngày 27/11/2025 với mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận. Buộc ông T3 phải thanh toán cho ông S số tiền lãi suất tạm tính từ ngày 12/11/2022 đến ngày 27/11/2025 là: **2.320.164.383** (Hai tỷ, ba trăm hai mươi triệu, một trăm sáu mươi tư nghìn, ba trăm tám mươi ba) đồng.

[6].**Về án phí**: Ông Đặng Mạnh S được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông S được chấp nhận theo quy định của pháp luật là: (từ 4.000.000.000 đồng trở lên mức thu là 112,000,000 đồng + 0,1% của phần giá trị có tranh chấp vượt quá 4.000,000,000 đồng). Ông T là người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn

án phí dân sự sơ thẩm nên căn cứ vào điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho ông Nguyễn Quốc T.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 155, Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Mạnh S đối với ông Nguyễn Quốc T.

- Xác nhận ông Nguyễn Quốc T còn nợ ông Đặng Mạnh S số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 27/11/2025 là **6.920.164.383** (Sáu tỷ, chín trăm hai mươi triệu, một trăm sáu mươi tư nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng).

- Buộc ông Nguyễn Quốc T phải thanh toán trả cho ông Đặng Mạnh S số tiền 6.920.164.383 (*Sáu tỷ, chín trăm hai mươi triệu, một trăm sáu mươi tư nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng*). Trong đó nợ gốc là: 4.600.000.000 đồng; nợ lãi là: **2.320.164.383** (*Hai tỷ, ba trăm hai mươi triệu, một trăm sáu mươi tư nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng*).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/ 1 năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về án phí**: Ông Đặng Mạnh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Quốc T.

- Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Mạnh S. Vắng mặt ông Nguyễn Quốc T. Ông Đặng Mạnh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đ- ơng sự.
- VKSND khu vực 2
- Thi hành án khu vực 2.
- L- u hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

□□NG TH□H□□NG